

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ CHUẨN KỸ NĂNG SỬ DỤNG CNTT NÂNG CAO - KHÓA ITA.45A
MÔN: KIẾN THỨC CHUNG - MÃ MÔN: B2

Thời gian: 17h45 - Ngày 07/10/2018 - Phòng máy 502/Tầng 5 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp DTU	MSSV	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
1	Phạm Thị Văn	Anh	06/10/1997	Quảng Nam	K21DLL3	2120713623	ITA.45A	<i>Valu</i>	7,5	Bảy, Năm	
2	Lê Thị Bích	Châu	06/11/1997	Đà Nẵng	K21QTH2	2120213467	ITA.45A	<i>Lê</i>	6,0	Sáu, Mười	
3	Nguyễn Nữ Bảo	Chi	19/10/1997	Đà Nẵng	K21NAD6	2120317346	ITA.45A	<i>BĐ</i>	6,8	Sáu, Tám	
4	Phạm Quang	Đạt	30/11/1995	Quảng Ngãi	K21YDD5	2021510952	ITA.45A				Cấm thi
5	Vũ Thành	Dũng	04/04/1997	Quảng Ninh	K21VLK2	2121866115	ITA.45A	<i>Dũng</i>	5,8	Năm, Tám	
6	Phan Thị Thùy	Dương	11/05/1996	Quảng Nam	K20YDH3	2020527178	ITA.45A	<i>Ph</i>	6,8	Sáu, Tám	
7	Vân Trường	Giang	24/07/1996	Quảng Nam	K20YDH3	2020523642	ITA.45A	<i>Trường</i>	6,5	Sáu, Năm	
8	Đỗ Hải	Hà	02/05/1997	Đà Nẵng	K21PSUDLK4	2120715598	ITA.45A	<i>Hà</i>	6,3	Sáu, Ba	
9	Lưu Thị Mỹ	Hạnh	20/02/1997	Đắk Lắk	K21DLK11	2120713572	ITA.45A	<i>Thị Mỹ</i>	7,5	Bảy, Năm	
10	Nguyễn Thị Kim	Hoàng	07/10/1995	Điện Bàn	K20YDH3	2020524147	ITA.45A	<i>Kim</i>	6,8	Sáu, Tám	
11	Trần Quang	Huy	30/11/1995	Quảng Nam	K20YDH3	2021525855	ITA.45A	<i>Trần</i>	5,8	Năm, Tám	
12	Hà Ngọc	Huyền	03/03/1996	Gia Lai	K20YDD4	2020510607	ITA.45A				Cấm thi
13	Lê Hoàng	Kha	02/03/1994	Gia Lai	K20YDH3	2021525005	ITA.45A	<i>Kha</i>	6,5	Sáu, Năm	
14	Hồ Công	Khương	18/11/1995	Bình Định	K20YDH3	2021524961	ITA.45A	<i>KH</i>	8,3	Tám, Ba	
15	Phan Thùy	Linh	08/04/1996	Đà Nẵng	K21NAD6	2120319051	ITA.45A				Vết
16	Nguyễn Nhật	Long	25/09/1997	Quảng Trị	K21QNH	2121253821	ITA.45A	<i>Long</i>	6,8	Sáu, Tám	
17	Phan Đại	Long	02/07/1997	Đà Nẵng	K21QNH	2121233776	ITA.45A	<i>Ph</i>	6,5	Sáu, Năm	
18	Đặng Tiến	Lực	28/06/1995	Quảng Trị	K20YDH3	2021524733	ITA.45A	<i>Đ</i>	7,0	Bảy, Mười	
19	Phan Ngọc Hà	My	08/03/1996	Quảng Bình	K20YDH3	2020527608	ITA.45A	<i>Ph</i>	4,8	Bốn, Tám	
20	Nguyễn Thị Thiên	Nga	08/11/1995	Quảng Nam	K20YDH3	2020526247	ITA.45A	<i>Thiên</i>	6,8	Sáu, Tám	
21	Hồ Thị Thảo	Nguyễn	20/05/1997	Quảng Nam	K21PSUDLK4	2120717420	ITA.45A	<i>Thảo</i>	7,8	Bảy, Tám	
22	Trần Thảo	Nguyễn	08/07/1996	Đà Nẵng	K21PSUDLK5	2120718512	ITA.45A	<i>Thảo</i>	6,5	Sáu, Năm	
23	Ngô Huỳnh	Như	22/10/1996	Quảng Nam	K21NAD6	2120318362	ITA.45A	<i>Như</i>	7,3	Bảy, Ba	
24	Võ Hồng	Phương	25/06/1995	Quảng Ngãi	K20YDH3	2021526103	ITA.45A	<i>Võ</i>	5,0	Năm, Mười	
25	Nguyễn Viết Lê	Quân	13/11/1995	Đà Nẵng	K20KMT	1921634014	ITA.45A	<i>Qu</i>	6,0	Sáu, Mười	
26	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	30/06/1997	Quảng Ngãi	K21PSUKKT1	2120253855	ITA.45A	<i>Quyên</i>	5,8	Năm, Tám	
27	Trần Văn	Si	10/12/1996	Đà Nẵng	K20YDH3	2021520637	ITA.45A	<i>Tr</i>	6,3	Sáu, Ba	
28	Nguyễn Thị Băng	Tâm	12/12/1994	Quảng Nam	K20YDH3	2020525055	ITA.45A	<i>Như</i>	8,3	Tám, Ba	

	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp DTU	MSSV	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
								Số	Chữ	
	Trần Thị Thu	Thảo	29/08/1995	Quảng Ngãi	K20YDH3	2020525989	ITA.45A	6,5	Sau, Nam	
30	Huỳnh Đắc	Thịnh	21/04/1996	Quảng Nam	K20KMQ	2021634075	ITA.45A	6,5	Sau, Nam	
31	Nguyễn Thị	Thuấn	12/11/1995	Quảng Nam	K20YDH3	2020520825	ITA.45A	7,0	Đầy, Nam	
32	Văn Thị Thu	Thủy	27/11/1997	Quảng Trị	K21QTH4	2120219083	ITA.45A	7,3	Đầy, Ba	
33	Đinh Văn	Tĩnh	17/11/1996	Quảng Nam	K20YDH3	2021524519	ITA.45A	6,5	Sau, Nam	
34	Lưu Đào	Trung	25/03/1996	Đà Nẵng	K20KMT	2021633718	ITA.45A	5,3	Nam, Ba	
35	Đặng Viết	Tú	14/07/1993	Đà Nẵng	K20KMT	1821636033	ITA.45A	5,8	Nam, Tam	
36	Nguyễn Tường	Vân	31/07/1996	Bình Định	K20YDH3	2020523332	ITA.45A	7,5	Đầy, Nam	
37	Phạm Thanh	Vân	25/08/1997	Đà Nẵng	K21QTH2	2120215526	ITA.45A	5,5	Nam, Nam	
38	Huỳnh Thị Lê	Vi	03/09/1997	Quảng Nam	K21PSUDLK4	2120719575	ITA.45A	5,3	Nam, Ba	
39	Nguyễn Hà	Vy	24/08/1997	Đà Nẵng	K21PSUKKT1	2120240419	ITA.45A	6,8	Sau, Tam	
40	Nguyễn Thị Khánh	Linh	24/03/1994	Đà Nẵng	K19DLK3	1920715829	ITA.20A	4,8	Bón, Tam	Thi ghép
41	Võ Thị Hồng	Liên	06/01/1996	Quảng Bình	K21KMT	2010628147	ITA.32B	5,5	Nam, Nam	Thi ghép
42	Lê Thu	Trang	24/05/1996	Quảng Bình	K20KKT5	2020253800	ITA.40A	5,0	Nam, Nam	Thi ghép
43										
44										
45										
46										
47										

Tổng số HV/Dự thi: ...2,9...

Vắng: ...0,3...

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ CHUẨN KỸ NĂNG SỬ DỤNG CNTT NÂNG CAO - KHÓA ITA.45A
MÔN: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG - MÃ MÔN: B3

Thời gian: 18h30 - Ngày 07/10/2018 - Phòng máy 502/Tầng 5 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp DTU	MSSV	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
1	Phạm Thị Văn	Anh	06/10/1997	Quảng Nam	K21DLL3	2120713623	ITA.45A	<i>van</i>	9.0	Chín y	
2	Lê Thị Bích	Châu	06/11/1997	Đà Nẵng	K21QTH2	2120213467	ITA.45A	<i>le</i>	9.0	Chín y	
3	Nguyễn Nữ Bảo	Chi	19/10/1997	Đà Nẵng	K21NAD6	2120317346	ITA.45A	<i>BS</i>	9.8	Chín tám	
4	Phạm Quang	Đạt	30/11/1995	Quảng Ngãi	K21YDD5	2021510952	ITA.45A				Cấm thi
5	Vũ Thành	Dũng	04/04/1997	Quảng Ninh	K21VLK2	2121866115	ITA.45A	<i>tung</i>	8.8	Tám tám	
6	Phan Thị Thùy	Dương	11/05/1996	Quảng Nam	K20YDH3	2020527178	ITA.45A	<i>thuy</i>	8.0	Tám y	
7	Văn Trường	Giang	24/07/1996	Quảng Nam	K20YDH3	2020523642	ITA.45A	<i>ng</i>	9.0	Chín y	
8	Đỗ Hải	Hà	02/05/1997	Đà Nẵng	K21PSUDLK4	2120715598	ITA.45A	<i>hai</i>	9.5	Chín năm	
9	Lưu Thị Mỹ	Hạnh	20/02/1997	Đắk Lắk	K21DLK11	2120713572	ITA.45A	<i>han</i>	8.0	Tám y	
10	Nguyễn Thị Kim	Hoàng	07/10/1995	Điện Bàn	K20YDH3	2020524147	ITA.45A	<i>hoang</i>	9.0	Chín y	
11	Trần Quang	Huy	30/11/1995	Quảng Nam	K20YDH3	2021525855	ITA.45A	<i>huy</i>	9.0	Chín y	
12	Hà Ngọc	Huyền	03/03/1996	Gia Lai	K20YDD4	2020510607	ITA.45A				Cấm thi
13	Lê Hoàng	Kha	02/03/1994	Gia Lai	K20YDH3	2021525005	ITA.45A	<i>le</i>	9.8	Chín tám	
14	Hồ Công	Khương	18/11/1995	Bình Định	K20YDH3	2021524961	ITA.45A	<i>hu</i>	9.8	Chín tám	
15	Phan Thùy	Linh	08/04/1996	Đà Nẵng	K21NAD6	2120319051	ITA.45A				Vắng
16	Nguyễn Nhật	Long	25/09/1997	Quảng Trị	K21QNH	2121253821	ITA.45A	<i>long</i>	9.0	Chín y	
17	Phan Đại	Long	02/07/1997	Đà Nẵng	K21QNH	2121233776	ITA.45A	<i>da</i>	9.0	Chín y	
18	Đặng Tiến	Lực	28/06/1995	Quảng Trị	K20YDH3	2021524733	ITA.45A	<i>ti</i>	8.5	Tám năm	
19	Phan Ngọc Hà	My	08/03/1996	Quảng Bình	K20YDH3	2020527608	ITA.45A	<i>my</i>	8.0	Tám y	
20	Nguyễn Thị Thiên	Nga	08/11/1995	Quảng Nam	K20YDH3	2020526247	ITA.45A	<i>thien</i>	9.8	Chín tám	
21	Hồ Thị Thảo	Nguyễn	20/05/1997	Quảng Nam	K21PSUDLK4	2120717420	ITA.45A	<i>thao</i>	9.8	Chín tám	
22	Trần Thảo	Nguyễn	08/07/1996	Đà Nẵng	K21PSUDLK5	2120718512	ITA.45A	<i>thao</i>	9.0	Chín y	
23	Ngô Huỳnh	Như	22/10/1996	Quảng Nam	K21NAD6	2120318362	ITA.45A	<i>huynh</i>	9.8	Chín tám	
24	Võ Hồng	Phương	25/06/1995	Quảng Ngãi	K20YDH3	2021526103	ITA.45A	<i>vo</i>	9.0	Chín y	
25	Nguyễn Viết Lê	Quán	13/11/1995	Đà Nẵng	K20KMT	1921634014	ITA.45A	<i>le</i>	7.5	Bảy năm	
26	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	30/06/1997	Quảng Ngãi	K21PSUKKT1	2120253855	ITA.45A	<i>le</i>	8.5	Tám năm	
27	Trần Văn	Sĩ	10/12/1996	Đà Nẵng	K20YDH3	2021520637	ITA.45A	<i>van</i>	9.0	Chín y	
28	Nguyễn Thị Băng	Tâm	12/12/1994	Quảng Nam	K20YDH3	2020525055	ITA.45A	<i>bang</i>	9.0	Chín y	

	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp DTU	MSSV	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
	Trần Thị Thu	Thảo	29/08/1995	Quảng Ngãi	K20YDH3	2020525989	ITA.45A		8,0	Tạm y	
30	Huỳnh Đắc	Thịnh	21/04/1996	Quảng Nam	K20KMQ	2021634075	ITA.45A		10	Mười y	
31	Nguyễn Thị	Thuần	12/11/1995	Quảng Nam	K20YDH3	2020520825	ITA.45A		9,0	Chín y	
32	Văn Thị Thu	Thủy	27/11/1997	Quảng Trị	K21QTH4	2120219083	ITA.45A		9,8	Chín tám	
33	Đinh Văn	Tĩnh	17/11/1996	Quảng Nam	K20YDH3	2021524519	ITA.45A		9,0	Chín y	
34	Lưu Đào	Trung	25/03/1996	Đà Nẵng	K20KMT	2021633718	ITA.45A		6,5	Sáu năm	
35	Đặng Việt	Tú	14/07/1993	Đà Nẵng	K20KMT	1821636033	ITA.45A		6,5	Sáu năm	
36	Nguyễn Tường	Vân	31/07/1996	Bình Định	K20YDH3	2020523332	ITA.45A		8,5	Tám năm	
37	Phạm Thanh	Vân	25/08/1997	Đà Nẵng	K21QTH2	2120215526	ITA.45A		10	Mười y	
38	Huỳnh Thị Lê	Vi	03/09/1997	Quảng Nam	K21PSUDLK4	2120719575	ITA.45A		8,5	Tám năm	
39	Nguyễn Hà	Vy	24/08/1997	Đà Nẵng	K21PSUKKT1	2120240419	ITA.45A		8,0	Tám y	
40	Nguyễn Thị Khánh	Linh	24/03/1994	Đà Nẵng	K19DLK3	1920715829	ITA.20A		4,5	Bốn năm	Thi ghép
41	Võ Thị Hồng	Liên	06/01/1996	Quảng Bình	K21KMT	2010628147	ITA.32B		5,0	Năm y	Thi ghép
42	Lê Thu	Trang	24/05/1996	Quảng Bình	K20KKT5	2020253800	ITA.40A		7,0	Bảy y	Thi ghép
43											
44											
45											
46											
47											

Tổng số HV/Dự thi: ..59...

Vắng: 03...